

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2687/LĐT BXH-VL

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2017

V/v hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Kính gửi:

| | |
|-----------------------------|--|
| NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI | |
| ĐẾN | Số: 1212 |
| | Ngày: 6.7.2017 |
| | Chiều: MĐ, BM, TĐNV, HSSV, XAN, TĐHS, PC |
| | Lưu: |

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Thực hiện khoản 9 phần E Điều 1 Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xác định thiệt hại, thực hiện bồi thường, hỗ trợ; khôi phục sản xuất và đảm bảo an sinh xã hội cho người dân bị ảnh hưởng do sự cố môi trường biển tại các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế”, sau khi có ý kiến của Bộ Tài chính tại công văn số 7057/BTC-HCSN ngày 30 tháng 5 năm 2017, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng như sau:

Phần I

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP

I. HỖ TRỢ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP, ĐÀO TẠO DƯỚI 03 THÁNG

1. Đối tượng

Người học thuộc hộ gia đình có cá nhân có tên trong danh sách bị thiệt hại do sự cố môi trường biển được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt (sau đây gọi tắt là hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển) có đủ các điều kiện sau đây:

a) Tham gia khóa đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng nhập học trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018;

b) Chưa được hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng theo các chính sách khác của Nhà nước trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, trừ trường hợp bị mất việc làm theo quy

định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng;

c) Đã hoàn thành khóa đào tạo và được cấp chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo trong thời gian từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Trường hợp người học tham gia khóa đào tạo trong thời gian trên nhưng đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa hoàn thành khóa đào tạo thì được tiếp tục hỗ trợ chi phí đào tạo, tiền ăn, tiền đi lại đến khi kết thúc khóa học. Thời gian hỗ trợ tối đa kể từ ngày nhập học đến khi kết thúc khóa học là 12 tháng.

2. Mức hỗ trợ

a) Mức hỗ trợ chi phí đào tạo:

- Mức tối đa 6 triệu đồng/người/khóa học.

+ Trường hợp chi phí đào tạo lớn hơn 6 triệu đồng, thì người học tự chi trả phần kinh phí chênh lệch cho cơ sở đào tạo;

+ Trường hợp chi phí đào tạo bằng hoặc thấp hơn 6 triệu đồng, thì người học được hỗ trợ chi phí đào tạo theo số chi thực tế.

- Chi phí đào tạo một khóa học do cơ sở đào tạo tính toán, quy định cụ thể theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 - 2021 và công khai khi tuyển sinh.

Nếu cơ sở đào tạo thực hiện hợp đồng đặt hàng đào tạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện thì chi phí đào tạo là đơn giá đặt hàng do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại các Khoản 3, 4 Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 152/2016/TT-BTC.

b) Mức hỗ trợ tiền ăn: 30.000 đồng/người/ngày thực học.

c) Mức hỗ trợ tiền đi lại: 300.000 đồng/người/khóa học, nếu địa điểm đào tạo cách xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.

3. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

a) Người học

- Nộp cho cơ sở đào tạo bản sao giấy xác nhận người thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển theo mẫu số 1 kèm theo Công văn này.

- Tham gia khóa đào tạo nghề do cơ sở đào tạo tổ chức theo quy định.

- Trực tiếp nhận tiền ăn, tiền đi lại theo mức quy định tại cơ sở đào tạo trong quá trình học theo hướng dẫn tại các điểm b và c khoản 2 Mục I Phần I Công văn này.

b) Cơ sở đào tạo

- Tổng hợp nhu cầu đăng ký đào tạo nghề nghiệp của người học thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển; xây dựng kế hoạch và dự toán gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người học đăng ký hộ khẩu thường trú.

- Thực hiện việc tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ sơ cấp theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo sơ cấp hoặc đào tạo dưới 03 tháng theo quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về đào tạo thường xuyên.

- Tạm ứng, thanh quyết toán kinh phí theo quy định tại Thông tư số 152/2016/TT-BTC để tổ chức đào tạo và thực hiện chi trả hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho người học trong quá trình học theo hướng dẫn tại điểm b và c khoản 2 Mục I Phần I Công văn này.

c) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kế hoạch và dự toán hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cho người học thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển của cơ sở đào tạo, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thực hiện và tạm ứng kinh phí cho cơ sở đào tạo để tổ chức đào tạo, chi trả hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho người học.

Trường hợp có nhiều người học đăng ký cùng ngành, nghề đào tạo và đủ số lượng để mở lớp, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trình Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thực hiện và tạm ứng kinh phí cho cơ sở đào tạo để tổ chức đào tạo, chi trả hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại cho người học hoặc thực hiện đặt hàng đào tạo theo quy định tại Thông tư số 152/2016/TT-BTC.

- Thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ chi phí đào tạo, tiền ăn, tiền đi lại cho người học với cơ sở đào tạo và cơ quan tài chính cùng cấp theo số người thực học hoặc theo hợp đồng đặt hàng đào tạo.

II. HỖ TRỢ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG

1. Đối tượng

Người học thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển, tham gia khóa đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, chưa được hỗ trợ học phí đào tạo

theo các chính sách khác của Nhà nước trong thời gian từ tháng 4 năm 2016 đến khi kết thúc khóa học.

2. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ học phí cho một khóa đào tạo: Mức tối thiểu bằng mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập chưa tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư; mức tối đa không vượt quá mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo đại trà trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục công lập tự bảo đảm kinh phí chi thường xuyên và chi đầu tư theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, cụ thể:

a) Mức tối thiểu tương ứng với từng nhóm ngành, nghề và năm học như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên

| NHÓM NGÀNH, NGHỀ | Năm học 2016-2017 | | Năm học 2017-2018 | |
|--|-------------------|----------|-------------------|----------|
| | Trung cấp | Cao đẳng | Trung cấp | Cao đẳng |
| Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản | 470 | 540 | 520 | 590 |
| Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch | 550 | 630 | 610 | 700 |
| Y dược | 680 | 780 | 750 | 860 |

b) Mức tối đa tương ứng với từng nhóm ngành, nghề và năm học như sau:

Đơn vị: 1.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên

| NHÓM NGÀNH, NGHỀ | Từ năm học 2015-2016 đến năm học 2017-2018 | |
|--|--|----------|
| | Trung cấp | Cao đẳng |
| Khoa học xã hội, kinh tế, luật; nông, lâm, thủy sản | 1.225 | 1.400 |
| Khoa học tự nhiên; kỹ thuật, công nghệ; thể dục thể thao, nghệ thuật; khách sạn, du lịch | 1.435 | 1.640 |
| Y dược | 3.080 | 3.520 |

3. Thời gian hỗ trợ

a) Đối với người học nhập học trong thời gian từ tháng 4 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, thì được hỗ trợ học phí từ ngày nhập học đến khi kết thúc khóa học.

b) Đối với người học nhập học trước tháng 4 năm 2016 thì được hỗ trợ học phí từ tháng 4 năm 2016 đến khi kết thúc khóa học.

4. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

a) Người học nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ học phí tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, hồ sơ bao gồm:

- Bản sao giấy xác nhận người thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển theo mẫu số 01 kèm theo Công văn này;
- Đơn đề nghị cấp tiền học phí theo mẫu số 2 kèm theo Công văn này;
- Phiếu thu học phí đào tạo do cơ sở đào tạo cấp cho người học khi nộp học phí.

b) Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của người học, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chi trả học phí cho người học và thực hiện việc quyết toán kinh phí hỗ trợ với cơ quan tài chính cùng cấp.

Tiền hỗ trợ học phí được cấp theo thời gian thực học nhưng không quá 10 tháng/năm học và thực hiện 2 lần trong năm, cụ thể:

- Lần 1 chi trả 5 tháng vào tháng 10 hoặc tháng 11;
- Lần 2 chi trả 5 tháng vào tháng 3 hoặc tháng 4.

Trường hợp người học thuộc diện được hỗ trợ học phí trong năm 2016, tiền hỗ trợ học phí được cấp theo thời gian thực học nhưng không quá 8 tháng (từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2016) và được chi trả cùng lần chi trả đầu tiên của năm 2017.

Trường hợp học sinh, sinh viên bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học thì cơ sở giáo dục nghề nghiệp nơi học sinh, sinh viên đang học gửi thông báo để Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội dừng thực hiện chi trả. Khi học sinh, sinh viên được nhập học lại sau khi hết thời hạn kỷ luật, theo xác nhận của cơ sở giáo dục nghề nghiệp thì Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục thực hiện chi trả. Thời gian ngừng học sẽ không được tính để chi trả tiền hỗ trợ học phí.

Trường hợp học sinh, sinh viên chưa nhận tiền hỗ trợ học phí theo thời hạn nêu trên, thì được truy lĩnh trong lần chi trả tiếp theo.

III. TÍN DỤNG HỌC SINH, SINH VIÊN

1. Đối tượng

Người học thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển tham gia khóa đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp có nhu cầu vay vốn tín dụng học sinh, sinh viên.

2. Mức vay, lãi suất vay

- Mức vay: tối đa 1.500.000 đồng/tháng/học sinh, sinh viên.

- Lãi suất: 0,55%/tháng.

Trường hợp Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh mức vay, lãi suất vay vốn tín dụng học sinh, sinh viên thì áp dụng theo quy định mới.

3. Thời gian vay vốn

a) Đối với người học tham gia khóa đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp, sơ cấp nhập học trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, có nhu cầu vay vốn thì được xét duyệt cho vay đến hết khóa học.

b) Đối với người học tham gia khóa đào tạo trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp nhập học trước ngày 01 tháng 01 năm 2017, có nhu cầu vay vốn thì được xét duyệt cho vay từ tháng 1 năm 2017 đến khi kết thúc khóa học.

4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục vay vốn

Hồ sơ, trình tự, thủ tục vay vốn tín dụng học sinh, sinh viên thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Phần II

HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM

I. HỖ TRỢ VAY VỐN TỪ QUỸ QUỐC GIA VỀ VIỆC LÀM

1. Đối tượng

Người lao động thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển có nhu cầu vay vốn tạo việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm.

2. Hồ sơ vay vốn

a) Bản sao giấy xác nhận người thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển theo mẫu số 1 kèm theo Công văn này.

b) Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 01a và Mẫu số 01b ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều về Quỹ quốc gia về việc làm quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.

3. Lãi suất vay vốn

a) Lãi suất: Bằng 50% mức lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

b) Thời gian thực hiện: áp dụng đối với các khoản vay mới từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018. Thời gian được hỗ trợ lãi suất kể từ ngày người vay nhận món vay đầu tiên cho đến ngày trả nợ cuối cùng được ghi trong kế ước hoặc hợp đồng tín dụng.

4. Mức vay, thời gian, trình tự, thủ tục vay vốn

Mức vay, thời gian, trình tự, thủ tục vay vốn Quỹ quốc gia về việc làm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH.

II. HỖ TRỢ TƯ VẤN, GIỚI THIỆU VIỆC LÀM

1. Người lao động thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển trực tiếp hoặc thông qua điện thoại, trang thông tin điện tử đăng ký tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí tại các Trung tâm dịch vụ việc làm.

2. Căn cứ nhu cầu của người lao động thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển, Trung tâm dịch vụ việc làm tổ chức tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động theo các hình thức sau đây:

- a) Tư vấn trực tiếp;
- b) Tư vấn tập trung;
- c) Các phiên giao dịch việc làm;
- d) Tư vấn qua điện thoại, trang thông tin điện tử.

III. THAM GIA THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VIỆC LÀM CÔNG

1. Người lao động thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển được ưu tiên lựa chọn tham gia các dự án, hoạt động thực hiện chính sách việc làm công về khôi phục môi trường biển, tái tạo nguồn lợi thủy sản và ổn định, khôi phục, phát triển du lịch tại địa phương.

2. Trình tự, thủ tục lựa chọn và chế độ đối với người lao động thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Thông tư số 11/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm về chính sách việc làm công.

IV. HỖ TRỢ CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH NHẬN NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀO LÀM VIỆC

1. Đối tượng

Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất kinh doanh) tuyển dụng người lao động thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng

12 năm 2018 vào làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động không xác định thời hạn.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ kinh phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng cho người lao động thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển, mỗi người một lần, bao gồm:

- Hỗ trợ chi phí đào tạo: mức hỗ trợ tối đa 03 triệu đồng/người/khóa học;
- Hỗ trợ tiền ăn 30.000đồng/người/ngày thực học;
- Hỗ trợ tiền đi lại 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15 km trở lên.

Trường hợp người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ thì mức hỗ trợ tiền đi lại 300.000đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5km trở lên.

b) Hỗ trợ về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp: hỗ trợ cơ sở sản xuất kinh doanh tiền đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển.

3. Thời gian hỗ trợ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

4. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

a) Lập dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ

Cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng người lao động thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển lập và gửi dự toán kinh phí đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo; hỗ trợ về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp gửi Sở Tài chính nơi người lao động đăng ký hộ khẩu thường trú theo mẫu số 3 và mẫu số 4 kèm theo Công văn này.

b) Hỗ trợ kinh phí đào tạo; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

- Cơ sở sản xuất kinh doanh gửi hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Sở Tài chính địa phương nơi người lao động đăng ký hộ khẩu thường trú. Hồ sơ bao gồm:

+ Bảng tổng hợp kinh phí đào tạo; kinh phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo mẫu số 5 và mẫu số 6 kèm theo Công văn này;

+ Bản sao giấy xác nhận người thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển theo mẫu số 1 kèm theo Công văn này;

+ Bản sao hợp đồng lao động giữa cơ sở sản xuất kinh doanh và người lao động thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển;

+ Hợp đồng đào tạo, thanh lý hợp đồng, chứng từ thanh toán chi phí đào tạo giữa cơ sở sản xuất kinh doanh với cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hỗ trợ.

Trường hợp người lao động đang được hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp cùng ngành nghề đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng; hỗ trợ bảo hiểm y tế theo các chính sách khác của Nhà nước thì cơ sở sản xuất kinh doanh không được hỗ trợ chi phí đào tạo, hỗ trợ về bảo hiểm y tế cho người lao động này.

Phần III

HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

I. HỖ TRỢ CHI PHÍ ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

1. Đối tượng

Người lao động thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có thị thực và ký hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc hợp đồng cá nhân ký với chủ sử dụng lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Trường hợp người lao động đã hoàn thành việc đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, thực hiện khám sức khỏe, làm hộ chiếu, lý lịch tư pháp nhưng được cấp thị thực sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2019 thì được hỗ trợ các chi phí thực tế phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2019 theo quy định tại các điểm a và b khoản 2 Mục I Phần III Công văn này.

b) Chưa được hỗ trợ để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng theo các chính sách khác của Nhà nước trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết và chi phí khám sức khỏe cho người lao động

- *Đối với người lao động là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân người có công với cách mạng:*

+ Hỗ trợ 100% chi phí học nghề, ngoại ngữ và bồi dưỡng kiến thức cần thiết. Mức chi phí đào tạo theo đơn giá đào tạo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

+ Hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí mức 40.000 đồng/người/ngày thực học, tiền ở với mức 200.000 đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ theo thời gian thực tế tham gia khóa đào tạo nhưng không quá 12 tháng;

+ Tiền trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu cho người lao động mức 400.000 đồng/người;

+ Hỗ trợ tiền đi lại 01 lượt (2 chiều đi và về) từ nơi cư trú đến nơi đào tạo, mức hỗ trợ theo giá cước của phương tiện vận tải hành khách thông thường tại thời điểm thanh toán;

+ Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

- *Đối với người lao động thuộc đối tượng khác:*

+ Chi phí đào tạo nghề theo chi phí thực tế, tối đa theo mức quy định tại Điều 4 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng;

+ Chi phí đào tạo ngoại ngữ theo mức cụ thể của từng khóa học và thời gian học thực tế, tối đa 3 triệu đồng/người/khoá học;

+ Chi phí bồi dưỡng kiến thức cần thiết: theo chi phí thực tế, tối đa 530.000 đồng/người/khoá học;

+ Tiền ăn trong thời gian đào tạo: mức 40.000 đồng/người/ngày thực học, thời gian hỗ trợ theo thời gian thực tế tham gia khóa đào tạo nhưng không quá 12 tháng;

+ Chi phí đi lại (01 lượt đi và về) cho người lao động từ nơi cư trú hợp pháp đến địa điểm đào tạo: mức 200.000 đồng/người/khoá học đối với người lao động cư trú cách địa điểm đào tạo từ 15 km trở lên; mức 300.000 đồng/người/khoá học đối với người lao động cư trú tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn cách địa điểm đào tạo từ 10 km trở lên;

+ Chi phí khám sức khỏe theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thực tế của cơ sở y tế được phép thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài, mức hỗ trợ tối đa 750.000 đồng/người.

b) Hỗ trợ các chi phí trước khi đi làm việc ở nước ngoài cho người lao động

- Lệ phí làm hộ chiếu theo mức quy định tại Thông tư số 219/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng lệ phí trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam;

- Phí cung cấp lý lịch tư pháp theo mức quy định tại Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

- Lệ phí làm thị thực (visa) theo mức quy định hiện hành của nước tiếp nhận lao động.

3. Trình tự, thủ tục hỗ trợ

a) Người lao động nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động đăng ký hộ khẩu thường trú. Hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP;

- Bản sao giấy xác nhận người thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển theo mẫu số 1 kèm theo Công văn này;

- Giấy tờ chứng minh người lao động thuộc các đối tượng hỗ trợ:

+ Đối với người lao động là người dân tộc thiểu số: bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú;

+ Đối với người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo: xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn tại Giấy đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC;

+ Đối với người lao động là thân nhân người có công với cách mạng: giấy xác nhận là thân nhân người có công với cách mạng theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BLĐTBXH-BTC.

- Bản sao hợp đồng đi làm việc ở nước ngoài giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (có xác nhận của doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp) hoặc bản sao hợp đồng cá nhân giữa người lao động và chủ sử dụng lao động (nếu hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch sang tiếng Việt và có chứng thực) và Giấy xác nhận đăng ký hợp đồng cá nhân của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi người lao động thường trú;

- Bản sao hộ chiếu và thị thực;
- Bản sao chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận hoàn thành khoá đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết của người lao động;
- Hóa đơn hoặc biên lai thu tiền hoặc phiếu thu đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết, khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp.

b) Trong thời gian 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của người lao động, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm thanh toán tiền hỗ trợ (trực tiếp hoặc qua tài khoản ngân hàng) cho người lao động; lưu giữ các hồ sơ, chứng từ nêu trên theo quy định.

II. VAY VỐN ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

1. Đối tượng

Người lao động thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển đã ký hợp đồng với doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc hợp đồng cá nhân với chủ sử dụng lao động trong thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. Hồ sơ vay vốn

- a) Bản sao giấy xác nhận người thuộc hộ gia đình bị thiệt hại do sự cố môi trường biển theo mẫu số 1 kèm theo Công văn này.
- b) Giấy đề nghị vay vốn theo Mẫu số 03a và Mẫu số 03b ban hành kèm theo Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH.

3. Mức vay, lãi suất vay

Mức vay tối đa bằng 100% các khoản chi phí người lao động phải đóng góp theo quy định đối với từng thị trường. Lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

4. Thời gian vay vốn, thời hạn giải ngân

Thời gian vay vốn không quá thời hạn làm việc ở nước ngoài của người lao động ghi trong Hợp đồng ký kết giữa người lao động và doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài hoặc hợp đồng cá nhân với chủ sử dụng lao động. Thời hạn giải ngân từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

5. Các quy định khác liên quan đến vay vốn

Các quy định khác liên quan đến vay vốn thực hiện theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP và Thông tư số 45/2015/TT-BLĐTBXH.

Phần IV

LẬP KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP, HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG

I. LẬP KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NHU CẦU KINH PHÍ

1. Lập kế hoạch và bổ sung dự toán đợt 1

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Công văn, Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng kế hoạch và dự toán nhu cầu hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, tổng hợp gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung trong dự toán ngân sách bồi thường từ Formosa, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Thời kỳ báo cáo từ khi thực hiện chính sách đến ngày 30/6/2017.

2. Lập kế hoạch và bổ sung dự toán đợt 2

Trước ngày 30/6/2018, Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng kế hoạch và dự toán nhu cầu hỗ trợ đào tạo nghề, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm định, tổng hợp gửi Bộ Tài chính để tổng hợp chung trong dự toán ngân sách bồi thường từ Formosa, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Thời kỳ báo cáo từ ngày 01/7/2017 đến ngày 01/6/2018.

Trong trường hợp phát sinh điều chỉnh, thay đổi, Ủy ban nhân dân các tỉnh xây dựng kế hoạch và dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, gửi Bộ Tài chính để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NHU CẦU KINH PHÍ

Kế hoạch và dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng bao gồm các nội dung sau:

1. Thực trạng hoạt động hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
2. Nhu cầu học nghề, tìm việc làm và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
3. Kế hoạch và dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, bao gồm:

- Hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp;
 - Hỗ trợ tạo việc làm;
 - Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
4. Dự toán kinh phí thực hiện theo phụ lục 01 kèm theo Công văn này;
 5. Giải pháp thực hiện;
 6. Tổ chức thực hiện.

PHẦN V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

1. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Phối hợp với Sở Tài chính xây dựng kế hoạch và dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tổng hợp.

3. Chủ động đề xuất các giải pháp, chính sách ổn định đời sống và việc làm cho người dân tại các vùng bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển.

4. Chỉ đạo hệ thống Trung tâm dịch vụ việc làm tăng cường tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển; phổ biến, cung cấp thông tin thị trường lao động, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; tăng cường kết nối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ sở đào tạo nghề nghiệp.

5. Định kỳ 6 tháng tổng hợp kết quả hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

II. SỞ TÀI CHÍNH

1. Tổng hợp, thẩm định dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính để xem xét tạm cấp kinh phí và tổng hợp kinh phí trình Thủ tướng Chính phủ.

2. Hướng dẫn việc sử dụng, thanh quyết toán nguồn kinh phí bồi thường từ Formosa đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định, có chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

3. Chậm nhất sau 45 ngày kể từ khi nhận được kinh phí hỗ trợ, chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành tại địa phương báo cáo quyết toán kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, hỗ trợ tạo việc làm và hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

III. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

1. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại văn bản này.

2. Chỉ đạo Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp với các Phòng, ban tại địa phương lập kế hoạch, dự toán nhu cầu kinh phí hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gửi Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và thực hiện các nhiệm vụ của Phòng theo quy định tại văn bản này.

3. Định kỳ quý, 6 tháng, tổng hợp, báo cáo kết quả hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

IV. ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

1. Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại văn bản này.

2. Rà soát, thống kê nhu cầu đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm và đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng của người lao động trên địa bàn;

3. Niêm yết công khai các chính sách hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm và hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn để Ủy ban nhân dân các tỉnh biết và chỉ đạo tổ chức thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TC, NN&PTNT, TN& MT;
- NHCSXH;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, VL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Doãn Mậu Diệp

(Kèm theo Công văn số 2687/LĐTBXH-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội)

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN...
Số:...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
..., ngày...tháng...năm 201...

**GIẤY XÁC NHẬN
NGƯỜI THUỘC HỘ GIA ĐÌNH BỊ THIẾT HẠI DO SỰ CỐ
MÔI TRƯỜNG BIỂN**

Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn... xác nhận:

Ông/bà:.....

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....Giới tính:.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Thuộc hộ gia đình có cá nhân có tên trong danh sách bị thiệt hại do sự cố môi trường biển được Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố... phê duyệt./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**
(Ký tên và đóng dấu)

(Kèm theo Công văn số 2687/LĐTBXH-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động -
Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP TIỀN HỌC PHÍ

(Dùng cho học sinh, sinh viên đang học trung cấp, cao đẳng)

Kính gửi: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (cấp huyện)

Họ và tên (chữ in hoa):

Sinh ngày: tháng: Năm: ...

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Lớp: Khóa: Khoa:

Trường:

Họ tên cha/mẹ học sinh, sinh viên:

Hộ khẩu thường trú (ghi đầy đủ): Xã:

..... Huyện: Tỉnh:

Tôi làm đơn đề nghị cấp tiền hỗ trợ học phí theo quy định tại Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

**Xác nhận của cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học có đăng ký
hoạt động giáo dục nghề nghiệp**

Trường:

Xác nhận anh/chị:

Sinh ngày: tháng: Năm:

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Hiện là học sinh/sinh viên năm thứ: Học kỳ:..... Năm học:.....

Khoa: Khóa học:

Thời gian khóa học: (năm).

Mức thu học phí:đồng/tháng (bằng chữ:

.....) (nếu thu học phí theo tỉ lệ thì phải quy đổi về mức thu theo niên chế).

Đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét, giải quyết tiền hỗ trợ học phí cho anh/chị: theo quy định.

Trường: cam kết nội dung xác nhận nêu trên là đúng sự thật, nếu có gì không đúng xin chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

(Kèm theo Công văn số 2687/LĐTĐBXH-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN HỖ TRỢ KINH PHÍ ĐÀO TẠO CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG THUỘC HỘ GIA ĐÌNH BỊ THIẾT HẠI

DO SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG BIẾN

| STT | Họ và tên | Ngành nghề đào tạo | Thời gian đào tạo | Cơ sở đào tạo | Kinh phí đào tạo | | | Ghi chú |
|------|-------------|--------------------|-------------------|---------------|------------------|-----------------|----------------|------------------------------|
| | | | | | Chi phí đào tạo | Chi phí tiền ăn | Chi phí đi lại | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | Tổng cộng $9=6+7+8$ 10 |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | | |

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh;
- Sở LĐTBXH tỉnh;
- Lưu:

Ngày.....tháng.....năm.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Ký tên và đóng dấu)

(Kèm theo Công văn số 2687/LĐTBXH-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN HỖ TRỢ KINH PHÍ VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP CHO LAO ĐỘNG THUỘC HỘ GIA ĐÌNH BỊ ẢNH HƯỞNG BỞI SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG BIỂN

| STT | Họ và tên | Số tháng hỗ trợ | Mức lương đóng BHXH | Mức hỗ trợ | | | |
|-----|-------------|-----------------|---------------------|---------------|---------------|-------------|-----------------------------|
| | | | | BHXH (đồng) | BHYT (đồng) | BHTN (đồng) | Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | $6=3x4x...\%$ | $7=3x4x...\%$ | $8=5+6+7$ | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | |

Nơi nhận:

- Sở Tài chính tỉnh ...;
- Sở LĐTBXH tỉnh ...;
- Lưu:

Ngày.....tháng.....năm....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Ký tên và đóng dấu)

(Kèm theo Công văn số 2687/LĐTBXH-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐÀO TẠO CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG THUỘC HỘ GIA ĐÌNH BỊ THIẾT HẠI DO SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG BIÊN

| STT | Họ và tên | Địa bàn cư trú | Cơ sở đào tạo | Mức hỗ trợ kinh phí | | | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------|---------------|------------------------|-----------------------|---------------------------|--------------|
| | | | | Chi phí đào tạo (đồng) | Hỗ trợ tiền ăn (đồng) | Hỗ trợ tiền đi lại (đồng) | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=5+6+7 9 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | |

Ngày....tháng....năm....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Ký tên và đóng dấu)

(Kèm theo Công văn số 2687/LĐTBXH-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐÓNG BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG THUỘC HỘ GIA ĐÌNH BỊ THIẾT HẠI DO SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG BIỂN

| STT | Họ và tên | Số sổ bảo hiểm | Số tháng hỗ trợ | Mức lương đóng BHXH | Mức hỗ trợ | | | | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------|-----------------|---------------------|--------------|--------------|--------------|-----------------------------|---------|
| | | | | | BHXH (đồng) | BHYT (đồng) | BHTN (đồng) | Tổng kinh phí hỗ trợ (đồng) | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | $6=4x5x...%$ | $7=4x5x...%$ | $8=4x5x...%$ | $9=6+7+8$ | 10 |
| 1 | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | |
| | Cộng | | | | | | | | |

Xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội

Ngày.....tháng.....năm....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số 2687/LĐTBXH-VL ngày 30/6/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH....

DỰ TOÁN KINH PHÍ

HỖ TRỢ ĐÀO TẠO NGHỀ NGHIỆP, TẠO VIỆC LÀM VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG TỪ NGÀY .../.../... ĐẾN NGÀY .../.../...

| STT | NỘI DUNG | Đơn vị tính | Số lượng | Mức hỗ trợ/mức vay | Số tiền |
|-----------|--|------------------|----------|--------------------|---------|
| I | Hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp | | | | |
| 1 | Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng | Người/triệu đồng | | | |
| 1.1 | Hỗ trợ chi phí đào tạo | Người/triệu đồng | | | |
| 1.2 | Hỗ trợ tiền ăn | Người/triệu đồng | | | |
| 1.3 | Hỗ trợ tiền đi lại | Người/triệu đồng | | | |
| 2 | Đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng | Người/triệu đồng | | | |
| 2.1 | Trình độ trung cấp | Người/triệu đồng | | | |
| 2.2 | Trình độ cao đẳng | Người/triệu đồng | | | |
| II | Hỗ trợ tạo việc làm | | | | |
| 1 | Vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm | Người/triệu đồng | | | |
| 2 | Tư vấn, giới thiệu việc làm | Người | | | |
| 3 | Hỗ trợ tạo việc làm thông qua chính sách việc làm công | Người | | | |
| 4 | Hỗ trợ kinh phí đối với cơ sở sản xuất kinh doanh nhận người lao động vào làm việc | Người/triệu đồng | | | |
| 4.1 | Hỗ trợ kinh phí đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng | Người/triệu đồng | | | |
| 4.2 | Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp | Người/triệu đồng | | | |

| | | | | |
|-----|--|------------------|--|--|
| III | Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Người/triệu đồng | | |
| 1 | Người lao động là người dân tộc thiểu số, thân nhân người có công với cách mạng, người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo | Người/triệu đồng | | |
| 1.1 | Hỗ trợ chi phí học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết | Người/triệu đồng | | |
| - | Đào tạo nghề | Người/triệu đồng | | |
| - | Đào tạo ngoại ngữ | Người/triệu đồng | | |
| - | Bồi dưỡng kiến thức cần thiết | Người/triệu đồng | | |
| - | Tiền ăn | Người/triệu đồng | | |
| - | Chi phí đi lại | Người/triệu đồng | | |
| - | Tiền ở | Người/triệu đồng | | |
| - | Tiền trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu | Người/triệu đồng | | |
| - | Sinh hoạt phí | Người/triệu đồng | | |
| 1.2 | Hỗ trợ chi phí làm thủ tục | Người/triệu đồng | | |
| - | Lệ phí làm hộ chiếu | Người/triệu đồng | | |
| - | Lệ phí làm lý lịch tư pháp | Người/triệu đồng | | |
| - | Lệ phí làm thị thực | Người/triệu đồng | | |
| - | Chi phí khám sức khỏe | Người/triệu đồng | | |
| 2 | Người lao động thuộc đối tượng khác | Người/triệu đồng | | |
| 2.1 | Hỗ trợ chi phí học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết | Người/triệu đồng | | |
| - | Đào tạo nghề | Người/triệu đồng | | |
| - | Đào tạo ngoại ngữ | Người/triệu đồng | | |
| - | Bồi dưỡng kiến thức cần thiết | Người/triệu đồng | | |
| - | Tiền ăn | Người/triệu đồng | | |
| - | Chi phí đi lại | Người/triệu đồng | | |
| 2.2 | Hỗ trợ chi phí làm thủ tục | Người/triệu đồng | | |

| | | | |
|---|---|------------------|--|
| - | Lệ phí làm hộ chiếu | Người/triệu đồng | |
| - | Lệ phí làm lý lịch tư pháp | Người/triệu đồng | |
| - | Lệ phí làm thị thực | Người/triệu đồng | |
| - | Chi phí khám sức khỏe | Người/triệu đồng | |
| 3 | Hỗ trợ vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng | Người/triệu đồng | |